

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Yến Nh, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Số X, đường S, Khóm Y, Phường Z, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trương Ngọc B, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 bà Võ Yến Nh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2019 nguyên đơn bà Võ Yến Nh trình bày: Bà và ông Trương Ngọc B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông B không lo cho vợ con, ông B là bác sĩ có thu nhập ổn định nhưng chỉ lo ăn chơi, toàn bộ chi phí cho gia đình, nuôi con một mình bà lo liệu. Bà và ông B không còn chung sống từ năm 2010 đến nay. Bà xác định cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Ngọc B. Trong quá trình chung sống bà và ông B có hai người con chung tên Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2002 và Trương Ngọc Uyên N1, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2003, con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với ông Trương Ngọc B, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông B vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Yến Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trương Ngọc B, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Võ Yến Nh là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Võ Yến Nh. Ông Trương Ngọc B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương Ngọc B.

[3] Về quan hệ hôn nhân : Bà Võ Yến Nh và ông Trương Ngọc B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Nh và ông B không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Yến Nh và ông Trương Ngọc B.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Nh và ông B có hai người con chung tên Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2002 và

Trương Ngọc Uyên N1, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2003, con chung do bà Nh đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Xét thấy từ khi bà Nh và ông B không còn chung sống với nhau hai người con chung Trương Ngọc Yến N và Trương Ngọc Uyên N1 do bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Tại các bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2019 hai người con chung Trương Ngọc Yến N và Trương Ngọc Uyên N1 có nguyện vọng được chung sống với bà B và Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho ông B nhưng ông B không có ý kiến về việc bà Nh yêu cầu trực tiếp nuôi hai người con chung và bà Nh có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh, giao hai người con chung tên Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2002 và Trương Ngọc Uyên N1, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2003 cho bà Võ Yến Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nh phải chịu 300.000đ, bà Nh đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Yến Nh và ông Trương Ngọc B.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2002 và Trương Ngọc Uyên N1, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2003 cho bà Võ Yến Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Võ Yến Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019218 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều